| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Y**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 364/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 01/12/2023
*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Đặng Thị Huệ;

2. Bà Lộc Thị Kim Thơm.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang*** tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 01/12/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2023, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/11/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị B, sinh năm 1990

2. Bị đơn: Anh Cao Văn H, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Văn H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 21/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn, sinh sống ở thôn 6, xã T, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận. Từ năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Chị và anh H sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị xác định mâu

thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn H.

Về con chung: Chị và anh Cao Văn H có 01 con chung là cháu Cao Thị H, sinh ngày 19/7/2013, hiện nay cháu H đang ở với anh H. Khi ly hôn chị yêu cầu anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H vì chị chưa có điều kiện nuôi con. Chị được quyền đi lại thăm nom cháu, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định, chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên anh H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Chị B có đơn từ chối hòa giải.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, Chị B giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị B, xử cho chị Trương Thị B được ly hôn với anh Cao Văn H. Về con chung: Giao con chung là cháu Cao Thị H, sinh ngày 19/7/2013 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo cho các đương  sự theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị B và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định anh Cao Văn H hiện đang cư trú, sinh sống tại thôn 6, xã T, huyện Y. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị B, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Cao Văn H: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh H đang sinh sống thường xuyên xác định: Chị B và anh H kết hôn từ năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung tại thôn 6, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được, anh chị sống ly thân từ năm 2022 đến nay, hiện không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Bản thân Chị B xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Bản thân Chị B xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị B là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hiện chị không còn tình cảm với anh H. Quá trình giải quyết vụ án, anh H không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh H cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Tình trạng mâu thuẫn giữa Chị B và anh H cũng được chính quyền địa phương xác nhận.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Chị B và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị B là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu giao nuôi con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định: Chị B và anh H có 01 con chung là cháu Cao Thị H, sinh ngày 19/7/2013, cháu H hiện đang ở cùng anh H. Anh H có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/ 1 tháng, có chỗ ở ổn định, tuy không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con, nhưng từ ngày Chị B và anh H sống ly thân từ năm 2022 cháu H ở cùng anh H. Cháu H trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống cùng bố. Bản thân Chị B không có nguyện vọng được nuôi con vì chưa có điều kiện. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương có ý kiến, trong hoàn cảnh của Chị B, anh H thì Toà án nên giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị B xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị B phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử:*** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị B.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trương Thị B được ly hôn anh Cao Văn H.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cháu Cao Thị H, sinh ngày 19/7/2013 cho anh Cao Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Trương Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Trương Thị B phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 14/10/2023 của Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000727 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Cao Văn H không phải nộp án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận***
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Văn Toàn**

| CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN | THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
| --- | --- |
| **Nguyễn Thu Hà - Đặng Thị Huệ** | **Nguyễn Xuân Thủy** |